

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12/7/2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Hồng Lễ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Văn Tiến.

2. Ông Lê Xuân Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Bé Thị Trâm - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn xét xử công khai vụ án thụ lý số: 55/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trần Văn M**, sinh năm 1980 – Có mặt

2. *Bị đơn:* Bà **Hoàng Thị T**, sinh năm 1977 - Vắng mặt.

Đều trú tại: Tổ K, phường H, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2019 và trong quá trình tố tụng ông Trần Văn M trình bày:***

Ông kết hôn với bà Hoàng Thị T trên cơ sở tự nguyện từ năm 1996, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 11 năm 2002 tại UBND xã H, thị xã B, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sinh sống tại tổ K, phường H, thành phố B, tỉnh B và cuộc sống giữa ông bà hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ ông dẫn người đàn ông khác về nhà tụ tập ăn uống nhiều lần và đi làm phụ xây với nhau, ông đã gặp nhiều lần và khuyên nhủ nhưng vợ ông không nghe dẫn

đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông kiên quyết xin được ly hôn với bà Hoàng Thị T.

- Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là Trần Thị U, sinh ngày 17/3/1998 và Trần Thị D, sinh ngày 05/10/1999. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà Hoàng Thị T không có tài sản chung và vay nợ chung.

* *Về phía bị đơn là bà Hoàng Thị T:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Hoàng Thị T, đồng thời niêm yết các giấy triệu tập và thông báo tại nơi cư trú của bà T rất nhiều lần, tuy nhiên bà T vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết, do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Hoàng Thị T. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, nên theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, qua xác minh thì hiện nay bà Hoàng Thị T vẫn có mặt tại địa phương. Căn cứ vào khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án này thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Do vậy, quyết định đưa vụ án ra xét xử là có căn cứ. Căn cứ khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Trần Văn M và bà Hoàng Thị T kết hôn với nhau từ tháng 9/1996, trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có làm đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 11/11/2002 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã B (nay là phường H, thành phố B), tỉnh B. Lúc đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, xô xát, cãi vã. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay.

Xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn M và bà Hoàng Thị T là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn không có mặt để trình bày quá trình hôn nhân, mặc dù bà T vẫn có mặt tại

nơi cư trú là tổ K, phường H, thành phố B. Tuy nhiên qua kết quả xác minh thì đã thể hiện, cuộc sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xô xát, cãi vã, dù đã được họ hàng, hàng xóm khuyên bảo, hòa giải, nhưng không có kết quả, hai vợ chồng đã ly thân với nhau thời gian dài. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Trần Văn M và bà Hoàng Thị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Ông Trần Văn M và bà Hoàng Thị T có 02 con chung là Trần Thị U, sinh ngày 17/3/1998 và Trần Thị D, sinh ngày 05/10/1999, các con chung đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Hiện nay các con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), nên ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ngày hôm nay, ông Trần Văn M khẳng định không có tài sản chung và vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn M được ly hôn với bà Hoàng Thị T.

2. Về án phí: Ông Trần Văn M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp ngày 18 tháng 3 năm 2019 theo biên lai số 05416 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận ông Trần Văn M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSNDTP Bắc Kạn;
- Chi cục THADSTP Bắc Kạn;
- Các đương sự;
- UBND phường H;
- Lưu HS;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vi Hồng Lễ